**Van Lang University**

**Information Technology Department**

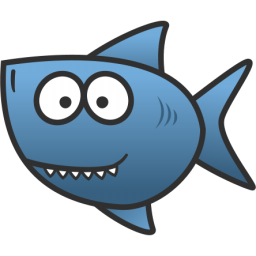
**Software Engineering**

**Software Measurement And Analysis**

**Team Assignment 05**

**Greedy Shark Team**

**Team 16 – K15T1**



**Team members**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Team members** | **Student ID** | **Mail** |
| 1 | Trần Hoàng Long | T093686 | [tranhoanglong.k15t@gmail.com](mailto:tranhoanglong.k15t@gmail.com) |
| 2 | Bùi Huỳnh Kinh Luân | T097430 | [buihuynh.kinhluan@gmail.com](mailto:buihuynh.kinhluan@gmail.com) |
| 3 | Nguyễn Minh Trí | T094328 | [00LanHikari00@gmail.com](mailto:00LanHikari00@gmail.com) |
| 4 | Trần Huỳnh Thái Trung | T096764 | [T096764@gmail.com](mailto:T096764@gmail.com) |
| 5 | Nguyễn Anh Tuấn | T096270 | [tuannguyen57v@gmail.com](mailto:tuannguyen57v@gmail.com) |

**Quy trình thực hiện TA cùng sự giám sát và đo lường.**

1. Họp nhóm tìm hiểu yêu cầu đề
2. Phân rã các công việc (WBS)
3. Nhóm các công việc phù hợp để tạo nên các FP (*Phù hợp nội dung. Ví dụ: Hai công viên nhóm lại thì nên có sự liên kết nội dung giữa hai công việc này*). Đồng thời tài liệu mức độ cần hoàn thiên của công việc vào trong FP.
4. Phân chia công việc cho các thành viên
5. Thu nhận đầu ra của công việc được giao
6. Thu thập tài liệu effort log
7. Tính công thức Size/Efffort cho từng thành viên – Nhận xét công việc (*Tránh nhận xét trực tiếp lên cá nhân*)
8. Tổng hợp dữ liệu “**bước 7**” đưa ra kết quả cho công việc nhóm.
9. Rút kinh nghiệm, đề ra các định hướng cải thiện trong tương lai

**Bảng đánh giá trọng số công việc:**

* **KL**: Khối lượng. Nói về độ lớn của công việc được giao
* **KN**: Khả năng. Nói về mức độ có thể thực hiện được công việc được giao
* *Chú thích*:
  + Các trong số đánh giá từ 1 – 3. Khối lượng và khả năng giảm dần từ 3 đến 1
  + Kết quả mỗi thành viên tính theo công thức: kq = (KL+2\*KN)/3
  + Kết quả đánh trọng số cho công việc: KQ = trung bình các trông số các trông số thành viên đã đề ra

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công việc** | **Luân** | | **Trí** | | **Tuấn** | | **Long** | | **Trung** | | **Kết quả** |
| ***KL*** | ***KN*** | ***KL*** | ***KN*** | ***KL*** | ***KN*** | ***KL*** | ***KN*** | ***KL*** | ***KN*** |
| **1** | Tìm kiếm tài liệu | 1 | 3 | 1 | 3 | 1 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | **2.47** |
| **2** | Phát thảo sơ đồ WBS | 2 | 2 | 2 | 3 | 2 | 2 | 2 | 3 | 2 | 2 | **2.27** |
| **3** | Phát triển high schedule | 3 | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 2 | **2.47** |
| **4** | Phát triển network diagram | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 2 | **2.27** |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Định định FB**

Một Fb là **một** công việc hay tập hợp **nhiều** công việc có tổng **trọng số** ở một **con số cố định** đi kèm với ràng buộc về **mức độ hoàn thành**. *Trọng số có thể thay đổi qua các Team assignment nhằm tạo sự phù hợp nhất trong phân chia công việc, mức độ hoàn thành sẽ được ghi chú khi phân chia công việc*

* Thu thập số liệu sau khi các thành viên hoàn tất công việc được giao. Các số liệu thu thập:
  + Số FP đã hoàn thành trong tuần (Hay trong một TA đã được giao)
  + Số thời gian thành viên thực hiện công việc (Số liệu từ Team working của file effort log)
* Từ số liệu, ta có thể nhận xét độ hiệu quả làm việc của các thành viên. Đưa ra nhân xét độ hoàn thành công việc.
* Tổng kết cho một tuần làm việc của team:
  + Số FP đã xác định
  + Số FP đã thực thi
  + Tổng thời gian team đã bỏ ra thực hiện.
  + Áp dụng công thức Size/Efffort

**Từ đó đánh giá hiệu quả làm việc của team**